

PHONG CÁCH ĐA VĂN HÓA TRONG TƯ TƯỞNG HỒ CHÍ MINH VỀ ĐỘC LẬP DÂN TỘC VÀ CHỦ NGHĨA XÃ HỘI

Nguyễn Thị Luyện^(*)

^(*) Tiến sĩ, Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

Email: luyennt.rss.hcm.vn@gmail.com

Đình Ngọc Thạch^()**

^(**) Phó giáo sư, tiến sĩ, Trường Đại học Khoa học Xã hội và Nhân văn, Đại học Quốc gia Thành phố Hồ Chí Minh.

Email: thachtr@yahoo.com

Nhận ngày 25 tháng 8 năm 2021. Chấp nhận đăng ngày 15 tháng 11 năm 2021.

Tóm tắt: Phong cách đa văn hóa của Hồ Chí Minh trong tư tưởng về độc lập dân tộc và con đường xây dựng xã hội mới của Việt Nam được hình thành từ những năm 20 của thế kỷ XX và thể hiện ở ba khía cạnh chủ yếu sau: *Một là*, tư tưởng về “bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác” bằng “dân tộc học phương Đông”; *hai là*, tư tưởng về hòa bình và văn hóa khoan dung; *ba là*, xuất phát từ văn hóa khoan dung truyền thống, tiếp thu, tích hợp những giá trị khác nhau vào hệ giá trị Việt Nam trong không gian mở của thế giới hiện đại. Bài viết góp phần nhận diện phong cách đa văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về con đường phát triển của Việt Nam, trên cơ sở đó hiểu sâu sắc hơn bản chất tư tưởng về độc lập dân tộc gắn liền với chủ nghĩa xã hội của Người.

Từ khóa: Văn hóa, phong cách Hồ Chí Minh, tư tưởng Hồ Chí Minh, chủ nghĩa xã hội.

1. Bước chuyển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc và sự cần thiết “bổ sung cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác, củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”

Từ năm 1884, Việt Nam rơi vào ách đô hộ của thực dân Pháp. Để tìm kiếm con đường giải phóng dân tộc, cần có sự nhận thức lại, đánh giá lại truyền thống, thực hiện bước chuyển tư tưởng một cách toàn diện, vượt qua hệ tư tưởng phong kiến vốn

chịu sự chi phối nặng nề của Nho gia, hay bị Nho gia hóa. Trong sự tìm tòi, thể nghiệm các phương án khác nhau, chủ nghĩa yêu nước truyền thống luôn trở thành sợi chỉ đỏ xuyên suốt, ngọn cờ tập hợp các nhà tư tưởng.

Sự thất bại của phong trào Cần Vương cho thấy, lối tư duy theo khuôn mẫu “trung quân ái quốc” của các triều đại phong kiến không còn phù hợp. Phan Bội

Châu, Phan Chu Trinh, Phan Văn Trường, Nguyễn An Ninh là những người tiên phong trong lịch sử tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX vượt qua ý thức hệ Nho gia, tìm kiếm những con đường, cách thức nhằm giải phóng dân tộc và xây dựng xã hội mới. Phan Bội Châu là minh chứng đầu tiên về sự chuyển biến từ truyền thống “suy tôn minh chủ” sang chủ trương xây dựng nước cộng hòa dân chủ tại Việt Nam sau khi đánh đuổi thực dân Pháp¹. Khác với Phan Bội Châu về phương pháp đấu tranh, Phan Chu Trinh² kết hợp thuyết dân quyền với quan điểm “Pháp - Việt thỏa hiệp”, lấy đối thoại thay đối đầu, lấy phương tiện hòa bình thay đấu tranh vũ trang, nhấn mạnh tư tưởng “thức tỉnh nhân dân, hợp quần, hợp xã, khai dân trí, chấn dân khí, hậu dân sinh”. Trên nền tảng chủ nghĩa yêu nước, Phan Văn Trường và Nguyễn An Ninh đã tiếp cận thế giới quan duy vật biện chứng, đến gần chủ nghĩa Mác - Lênin và có thiện cảm với chủ nghĩa xã hội, nhưng chỉ dừng lại ở đó.

Trong bước chuyển tư tưởng Việt Nam đầu thế kỷ XX còn có phong trào Đông Kinh Nghĩa Thục và Quốc dân Đảng. Song, linh hồn của Đông Kinh Nghĩa Thục vẫn là những nho sĩ còn duyên nợ với quá khứ. Quốc dân Đảng của Nguyễn Thái Học thể hiện tiếng nói của tầng lớp tư sản dân tộc và tiểu tư sản, lấy chủ nghĩa Tam dân của Tôn Trung Sơn làm chỗ dựa tư tưởng. Nhưng tầng lớp tư sản và tiểu tư sản Việt Nam chỉ là một lực lượng nhỏ bé

và dao động, hơn nữa cũng không đáp ứng được yêu cầu của thực tiễn.

Ngày 5 - 6 - 1911, Nguyễn Tất Thành rời bến Nhà Rồng, ra đi tìm đường cứu nước. Cũng trong năm đó, ngày 10 - 10, Cách mạng Tân Hợi nổ ra tại Trung Quốc với mục đích lật đổ nền quân chủ phong kiến, xác lập chế độ cộng hòa. Chủ thuyết Tam dân của Tôn Trung Sơn được hiện thực hóa một phần trong quá trình tiến hành cách mạng, nhưng cũng không đi đến kết quả cuối cùng.

Tôn Trung Sơn đánh giá cao C.Mác, xem học thuyết của C.Mác là “tập đại thành của tư tưởng nhân loại mấy nghìn năm nay”³. Tuy nhiên, Tôn Trung Sơn không tán thành thế giới quan và nhân sinh quan mácxít, thay học thuyết đấu tranh giai cấp bằng thuyết “sinh tồn”. Ông không hiểu hết ý nghĩa của học thuyết mácxít, nhất là phát minh đầu tiên của C.Mác - quan niệm duy vật về lịch sử⁴.

Nguyễn Ái Quốc khác với Tôn Trung Sơn, cho dù Người tiếp thu tinh thần của chủ nghĩa Tam dân - “dân tộc độc lập - dân quyền tự do - dân sinh hạnh phúc”. Bước chuyển tư tưởng của Nguyễn Ái Quốc trải qua quá trình liên tục và triệt để, từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống đến với chủ nghĩa Mác - Lênin, chủ nghĩa xã

¹ Xem: Phan Bội Châu (1990), *Toàn tập*, t.3, Nxb Thuận Hóa, Huế, tr.135.

² Xem: Phan Chu Trinh (1995), *Tuyển tập*, Nguyễn Văn Dương tập hợp, giới thiệu, Nxb Đà Nẵng, tr.699.

³ Tôn Trung Sơn (1995), *Chủ nghĩa Tam dân*, Viện Thông tin Khoa học Xã hội, Hà Nội, tr.323.

⁴ Xem: Tôn Trung Sơn (1995), *Sđđ.*, tr.327-336.

hội khoa học, đồng thời Người tiếp thu những tinh hoa nhân loại, trong đó có tư tưởng Khai sáng Pháp và lý tưởng Cách mạng Pháp (1789). Năm 1960, trong *Con đường dẫn tôi đến chủ nghĩa Lênin*, Hồ Chí Minh viết rằng, lúc đầu Người đến với chủ nghĩa Mác - Lênin “chính là từ chủ nghĩa yêu nước, chứ chưa phải chủ nghĩa cộng sản”⁵.

Trong quá trình thực hiện bước chuyển từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống sang chủ nghĩa Mác - Lênin, vận dụng sáng tạo và phát triển chủ nghĩa Mác - Lênin vào thực tiễn cách mạng Việt Nam, Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh đã chỉ ra sự cần thiết phải “bổ sung “cơ sở lịch sử” của chủ nghĩa Mác”, “củng cố nó bằng dân tộc học phương Đông”⁶ nhằm làm cho nội dung của chủ nghĩa Mác - Lênin trở nên sinh động trong ý thức đại chúng. “Dân tộc học phương Đông”, nói một cách cô đọng, là khoa học về con người, văn hóa, bản sắc, phong tục, tập quán, thói quen, tính cách, lối sống, tâm lý, hệ thống ứng xử, ngôn ngữ... của người phương Đông. “Củng cố” cơ sở lịch sử của chủ nghĩa Mác bằng “dân tộc học phương Đông” là sự sáng tạo của Hồ Chí Minh, điều này khác với cách tiếp cận siêu hình, sao chép, vận dụng máy móc chủ nghĩa Mác vào thực tiễn, bất chấp điều kiện kinh tế, chính trị, xã hội, văn hóa đặc thù của các dân tộc, quốc gia.

Hồ Chí Minh là mẫu mực của việc sử dụng hình thức truyền đạt dễ hiểu để chuyển tải những vấn đề lớn của lý luận khoa học và cách mạng, trong đó có lý luận

về xây dựng chủ nghĩa xã hội. Phong cách đó được thể hiện trong việc làm cho những vấn đề lý luận cao siêu, trừu tượng trở thành cái phổ biến, có sức lan tỏa, giản đơn mà sâu sắc, chân thành mà lắng đọng. Hồ Chí Minh thường căn dặn cán bộ rằng phải viết sao cho dễ hiểu, đúng trình độ của người đọc, rõ ràng, gọn gàng, thiết thực, rằng cần nói rõ xây dựng chủ nghĩa xã hội là *làm cái gì?* Phải nói thế nào để đồng bào có thể hiểu được, làm được. Có như vậy “mới là hiểu chủ nghĩa Mác - Lênin”⁷.

Hồ Chí Minh đặt câu hỏi: Thế nào là chủ nghĩa xã hội? Người giải thích rằng, đó là “một xã hội không có chế độ người bóc lột người, một xã hội bình đẳng, nghĩa là ai cũng phải lao động và có quyền lao động; ai làm nhiều thì hưởng nhiều, làm ít hưởng ít, không làm không hưởng”⁸, là một xã hội làm cho mỗi người dân “có điều kiện cải thiện đời sống riêng của mình, phát huy tính cách riêng, sở trường riêng”⁹, và có cơ hội “học hành tiến bộ”¹⁰. Để giúp quần chúng nhân dân, mà đa phần là nông dân, hiểu về chủ nghĩa xã hội, Người so sánh công cuộc xây dựng xã hội mới với việc làm ruộng, và giải thích rằng: Để xây dựng chủ nghĩa xã hội, chúng ta phải tăng gia sản xuất, thực hành tiết kiệm, làm cho mọi người đều được

⁵ Hồ Chí Minh (2000), *Toàn tập*, t.10, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.128.

⁶ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.1, tr.465.

⁷ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.11, tr.130.

⁸ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.9, tr.23.

⁹ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.9, tr.291.

¹⁰ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.10, tr.97.

sung sướng, ấm no¹¹. Hồ Chí Minh thường dùng những câu ca dao, tục ngữ, điển tích, những hình ảnh quen thuộc để nói về cải tạo xã hội cũ và xây dựng đạo đức cách mạng, cũng như nhiều vấn đề khác. Chẳng hạn, đề cao sức dân, Người nói: Nhân định thắng thiên; bàn về loại người có đức mà không có tài, Người ví như ông Bụt, không hại ai nhưng cũng chẳng làm được gì; phê phán chủ nghĩa cá nhân, Người xem nó như loài cỏ dại...

Khi nói rằng lịch sử châu Âu “chưa phải là toàn thể nhân loại” và cần bổ sung “dân tộc học phương Đông”, Nguyễn Ái Quốc muốn khẳng định sự cần thiết phải nhận thức và vận dụng sáng tạo chủ nghĩa Mác vào điều kiện cụ thể của mỗi dân tộc, qua đó thể hiện tính mở của chủ nghĩa Mác. Tuyên truyền chủ nghĩa Mác cho các dân tộc thông qua độ “khúc xạ” văn hóa trên nền văn hóa truyền thống¹², đó là nhu cầu và mệnh lệnh lịch sử, đồng thời cũng là biểu hiện của tinh thần đa văn hóa khi tiếp cận chủ nghĩa Mác. Tính mở của chủ nghĩa Mác được thể hiện ngay từ những tác phẩm đầu tiên của C.Mác và Ph.Ăngghen, từ *Hệ tư tưởng Đức* đến *Tuyên ngôn của Đảng Cộng sản*¹³. Tính mở, hay biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù trong nhận thức, vận dụng chủ nghĩa Mác, cũng được V.I.Lênin nhấn mạnh: “Chúng ta không hề coi lý luận của Mác như là một cái gì đã xong xuôi hẳn và bất khả xâm phạm; trái lại, chúng ta tin rằng lý luận đó chỉ đặt nền móng cho môn khoa học mà những người xã hội chủ

nghĩa cần phải phát triển hơn nữa về mọi mặt, nếu họ không muốn trở thành lạc hậu so với cuộc sống (...). Lý luận của C.Mác chỉ đề ra những nguyên lý chỉ đạo chung, còn việc áp dụng những nguyên lý ấy thì, xét riêng từng nơi, ở Anh không giống ở Pháp, ở Pháp không giống ở Đức, ở Đức không giống ở Nga”¹⁴.

2. Hòa bình và văn hóa khoan dung

Trong lịch sử dân tộc Việt Nam, thời gian được hòa bình chỉ là những chặng ngắn giữa những cuộc đấu tranh giữ nước, bảo vệ nền độc lập dân tộc. Đặc điểm đó tiếp tục thể hiện rõ và cụ thể trong thời đại Hồ Chí Minh: Vừa giành được độc lập dân tộc, nhân dân ta đã phải trải qua ba mươi năm liên tục chống hai đế quốc lớn. Chúng ta vừa đấu tranh chống ngoại xâm, thống nhất đất nước, vừa bắt tay xây dựng chủ nghĩa xã hội ở miền Bắc, làm hậu phương vững chắc cho cách mạng miền Nam. Trong bối cảnh đó chúng ta càng thấu hiểu giá trị của hòa bình và độc lập dân tộc. Chẳng phải ngẫu nhiên trong suốt chiều dài lịch sử, càng yêu nước, người Việt Nam càng yêu chuộng hòa bình, đấu tranh không mệt mỏi vì hòa bình, độc lập dân tộc. Ngôn ngữ hòa bình và văn hóa khoan dung, hay khoan dung trong văn

¹¹ Xem: Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.9, tr.175, 286.

¹² Xem: Phan Ngọc (1994), *Văn hóa Việt Nam và cách tiếp cận mới*, Nxb Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, tr.104-111.

¹³ Xem: C.Mác và Ph.Ăngghen (1995), *Toàn tập*, t.4, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.627.

¹⁴ V.I.Lênin (1974), *Toàn tập*, t.4, Nxb Tiến bộ, Mátxcơva, tr.232.

hóa chính là ngôn ngữ Việt Nam - Hồ Chí Minh, không hòa lẫn vào đâu được. “Hòa bình” là ý nghĩa đầu tiên trong mục tiêu của dân tộc, được thể hiện trong những năm tháng bôn ba hải ngoại của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh với *Yêu sách của nhân dân An Nam*, và trong bài viết cuối cùng của Người: *Xây dựng một nước Việt Nam hòa bình, thống nhất, độc lập, dân chủ và giàu mạnh*¹⁵.

Đối với Hồ Chí Minh, trong điều kiện vừa xây dựng chủ nghĩa xã hội, vừa đấu tranh thống nhất đất nước, yêu hòa bình, khát khao cuộc sống bình yên đã thấm vào máu thịt của mỗi người Việt Nam, nhưng không phải hòa bình bằng mọi giá, hay một nền hòa bình mà tách rời độc lập dân tộc. Hòa bình luôn gắn với độc lập, tự do và chủ nghĩa xã hội. Trong *Tuyên ngôn độc lập*, Hồ Chí Minh khẳng định: “Một dân tộc đã gan góc chống ách nô lệ của Pháp hơn 80 năm nay, một dân tộc đã gan góc đứng về phe đồng minh chống phát xít mấy năm nay, dân tộc đó phải được tự do! Dân tộc đó phải được độc lập!”¹⁶.

Ngay sau khi nước nhà giành được độc lập, Chủ tịch Hồ Chí Minh đã gửi thư cho Tổng thống Hoa Kỳ Truman bày tỏ thiện chí của dân tộc Việt Nam muốn “được hợp tác với những nền dân chủ khác trong việc tạo lập và củng cố nền hòa bình và phồn vinh trên thế giới”¹⁷. Nhưng đứng trước thách thức của cuộc chiến tranh phá hoại do Hoa Kỳ và đồng minh đẩy mạnh ở miền Bắc xã hội chủ nghĩa, Chủ tịch Hồ Chí Minh ra *Lời kêu gọi* ngày 17 - 7 -

1966; trong đó, khẳng định: “Chiến tranh có thể kéo dài 5 năm, 10 năm, 20 năm hoặc lâu hơn nữa. Hà Nội, Hải Phòng và một số thành phố khác có thể bị tàn phá, song nhân dân Việt Nam quyết không sợ! Không có gì quý hơn độc lập, tự do”¹⁸. Trong bức thư cuối cùng (25 - 8 - 1969) gửi Tổng thống Hoa Kỳ, Hồ Chí Minh tiếp tục bày tỏ: “Nhân dân Việt Nam chúng tôi rất yêu chuộng hòa bình, một nền hòa bình chân chính trong độc lập và tự do thực sự”¹⁹.

Có thể khẳng định, ở Hồ Chí Minh, tư tưởng về hòa bình và khoan dung thống nhất với nhau. Một trong những giá trị nhân văn trong tư tưởng Hồ Chí Minh là khoan dung, được nâng lên cấp độ văn hóa khoan dung, thể hiện trên nhiều bình diện và mối quan hệ khác nhau. Văn hóa khoan dung của Hồ Chí Minh là sự kế thừa và phát huy văn hóa khoan dung ngàn đời của dân tộc Việt Nam, đồng thời hàm chứa những nội dung mới, kết hợp bản sắc dân tộc và tinh hoa thời đại, cái đặc thù và cái phổ biến, truyền thống và hiện đại, lối ứng xử tinh tế và chuẩn mực, “kiến lập được mối giao hòa khăng khít giữa lương tâm con người, lương tri dân tộc và lương tri thời đại”²⁰. Người Việt Nam nói về khoan

¹⁵ Xem: Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.12, tr.512.

¹⁶ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.4, tr.4.

¹⁷ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.4, tr.52.

¹⁸ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.12, tr.108.

¹⁹ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.12, tr.488.

²⁰ Huỳnh Khải Vinh, Nguyễn Thanh Tuấn (1997), *Bàn về khoan dung trong văn hóa*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.296-297.

dung như quá trình “*thay thế văn hóa chiến tranh bằng văn hóa hòa bình*” trước nhiều thập niên so với *Tuyên ngôn về Các nguyên tắc khoan dung* do UNESCO công bố (tại Điều 1, 1.1.).

Đối với Hồ Chí Minh, trong quá trình xây dựng xã hội mới, khoan dung là tập hợp các tầng lớp nhân dân theo tinh thần đại đoàn kết, không phân biệt tầng lớp, giai cấp, lương giáo, chính kiến, “khoan thư sức dân” vì sự ổn định và đồng thuận, huy động mọi nguồn lực trong nhân dân vì mục tiêu xã hội chủ nghĩa và thống nhất đất nước. Thương dân, Hồ Chí Minh thấu hiểu sâu sắc tâm lý của dân, từ đó đưa ra những quyết sách hợp lòng dân. Cho đến những giờ phút cuối cùng, Người vẫn luôn nghĩ đến lợi ích của dân, mong muốn, sau khi kết thúc chiến tranh, “miễn thuế nông nghiệp 1 năm (...) để cho đồng bào hi hã, mát dạ, mát lòng, thêm niềm phấn khởi...”²¹.

Đối với phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, tinh thần khoan dung là bỏ qua những bất đồng, hướng đến mục tiêu chung. Không dừng lại ở việc bày tỏ sự đau lòng trước thực trạng chia rẽ, bất hòa trong phong trào cộng sản và công nhân quốc tế, Hồ Chí Minh nhấn mạnh sứ mạng hòa giải của Đảng ta, khả năng chuyên hóa tình hình không chỉ bằng những lời kêu gọi, mà còn bằng những hoạt động tích cực, lấy thiện chí và sự công tâm, trong sáng của tinh thần quốc tế vô sản làm thước đo cho sứ mạng ấy. Người viết: “Tôi mong rằng Đảng ta sẽ ra sức hoạt động,

góp phần đặc lực vào việc khôi phục lại khối đoàn kết giữa các đảng anh em trên nền tảng chủ nghĩa Mác - Lênin và chủ nghĩa quốc tế vô sản, có lý, có tình”²².

Trong đấu tranh tư tưởng, bảo vệ chủ nghĩa Mác - Lênin, văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh thể hiện ở cách đánh giá các học thuyết, quan điểm khác một cách rõ ràng, có tính nguyên tắc, nhưng không lẫn lộn vấn đề thế giới quan và nhân cách, yếu tố tri thức và yếu tố giá trị. Yếu tố giá trị thể hiện ở chỗ, cần xác định vị trí của một học thuyết trong đời sống xã hội, vai trò của nó đối với hoàn thiện nhân cách, đạo đức con người. Việc kết hợp hai cách đánh giá các học thuyết triết học ngoài mácxít, đánh giá từ góc độ thế giới quan - phương pháp luận và đánh giá từ góc độ văn hóa - giá trị, là điều cần thiết. Hồ Chí Minh từng thể hiện sự kết hợp này trong những điều kiện khác nhau. Trường hợp Bertrand Russell và Jean Paul Sartre là minh chứng rõ ràng nhất. Hai ông là những đại diện tiêu biểu của triết học phương Tây ngoài mácxít thế kỷ XX, đối lập với triết học Mác - Lênin; trong đó, Russell là người mở đường cho chủ nghĩa thực chứng mới, trường phái chủ trương “con đường thứ ba” trong triết học, còn J.P.Sartre là đại diện tiêu biểu của chủ nghĩa hiện sinh. Tuy nhiên, ở bình diện chính trị - xã hội và văn hóa, hai ông lại là những nhà hoạt động xã hội kiệt xuất,

²¹ Hồ Chí Minh (2000), *Sđd.*, t.12, tr.504.

²² Hồ Chí Minh (2000), *Sđd.*, t.12, tr.511.

những biểu tượng của “văn hóa hòa bình”, những người đồng sáng lập Tòa án Quốc tế, xét xử tội ác chiến tranh xâm lược, kêu gọi văn hóa hòa bình ở Việt Nam. Chính vì thế, Hồ Chí Minh đã trân trọng viết thư cảm ơn, tri ân những đóng góp của họ cho sự nghiệp chính nghĩa của nhân dân Việt Nam²³.

Khoan dung nhưng không khoan nhượng, hòa hợp và đối thoại nhưng không chấp nhận mọi âm mưu lợi dụng khoan dung để làm chệch hướng phát triển của đất nước, chống chủ nghĩa xã hội, xâm phạm lợi ích dân tộc - đó là nguyên tắc bất di bất dịch trong tư tưởng Hồ Chí Minh.

John Golan, Tổng Bí thư Đảng Cộng sản Anh, trong thư chia buồn về sự ra đi của Người, đã viết: “Không một dân tộc nào làm cho tôi cảm xúc như người Việt Nam, tận tụy nhưng không cuồng tín, nhỏ bé nhưng không hề khuất phục, yêu chuộng hòa bình nhưng đã kiên quyết tiên hành cuộc đấu tranh giải phóng. Đồng chí Hồ Chí Minh đã tượng trưng cho tất cả những điều đó”²⁴.

3. Tích hợp văn hóa Đông - Tây và tinh thần quốc tế vô sản trong xây dựng xã hội mới

Tư tưởng hòa bình và văn hóa khoan dung Hồ Chí Minh còn thể hiện trong sự tích hợp văn hóa Đông - Tây, tinh thần quốc tế vô sản cao cả. Bản lĩnh và nhạy bén chính trị đã làm nên sự khác biệt của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh so với các bậc tiền bối và những người cùng thời. Hình ảnh anh Ba ra đi với hai bàn tay

trắng, nung nấu chí lớn, với ý nghĩ xem nước Pháp và các nước khác... “họ làm ăn ra sao” để “sẽ trở về giúp đồng bào...”²⁵ đã báo trước một nhân cách lớn của dân tộc, ở tuổi thanh xuân. Trong quá trình tiếp xúc, làm quen với những người Việt Nam và người bản địa ở các nước khác, Nguyễn Ái Quốc luôn chủ động đón nhận cái hay, cái mới, rút ra những bài học và định hình một phong cách sống và hoạt động phù hợp trong những hoàn cảnh khác nhau. Sự nhạy bén này không phải ai cũng đạt được trong điều kiện hết sức khó khăn nơi đất khách quê người.

Có thể khẳng định, tích hợp văn hóa Đông - Tây là nét tiêu biểu của văn hóa Hồ Chí Minh. Người tự nhận là “học trò” của các bậc tiền bối, từ Phật Tổ, Khổng Tử, Giêsu đến C.Mác, Lênin, Tôn Dật Tiên (Tôn Trung Sơn). Theo Người, Phật Tổ có tư tưởng đại từ đại bi, cứu khổ cứu nạn²⁶, Khổng Tử có quan niệm về “nhân”, “lễ”, “chính danh” và “thiên hạ đại đồng”, Giêsu thì “cho loài người quyền tự do và dạy loài người lòng bác ái”²⁷, “hy sinh để cứu loài người khỏi ách nô lệ và đưa loài người về hạnh phúc, bình đẳng, tự do”²⁸. Người nhấn mạnh: “Chúng ta hãy tự hoàn thiện mình, về mặt tinh thần bằng cách đọc các

²³ Xem: Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.12, tr.262-263.
²⁴ M.X.Xôlômenxép (1976), *Thế giới ca ngợi và thương tiếc Hồ Chủ tịch*, Nxb Sự thật, Hà Nội, tr.473.
²⁵ Trần Dân Tiên (1995), *Những mẩu chuyện về đời hoạt động của Hồ Chủ tịch*, Nxb Chính trị Quốc gia, Hà Nội, tr.14.
²⁶ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.5, tr.197.
²⁷ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.5, tr.333.
²⁸ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.7, tr.197.

tác phẩm của Khổng Tử, và về mặt cách mạng thì cần đọc các tác phẩm của Lênin”²⁹. Đối với Hồ Chí Minh, quá trình sáng tạo xã hội mới là kết quả tích lũy kinh nghiệm từ nhiều thế hệ nhân loại và kinh nghiệm của những người mở đường.

Đặc biệt, trong *Việt Nam yêu cầu ca*, Hồ Chí Minh nhấn mạnh: “Trăm điều phải có *thần linh pháp quyền*”³⁰. Tiếp đó, trong *Tuyên ngôn độc lập* khai sinh ra nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa, sau khi nhắc đến *Tuyên ngôn độc lập* của Hoa Kỳ, *Tuyên ngôn nhân quyền và dân quyền* của cách mạng Pháp, Hồ Chí Minh đã nói đến các quyền cơ bản do *tạo hóa* ban cho, có tính chất thiêng liêng, bất khả xâm phạm; qua đó, Người khẳng định rằng, cuộc Cách mạng tháng Tám năm 1945 do nhân dân ta thực hiện dưới sự lãnh đạo của Đảng đã khôi phục trọn vẹn các quyền thiêng liêng ấy³¹. Trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam hiện nay, chúng ta càng thấm thía ý nghĩa của “*thần linh pháp quyền*” mà Hồ Chí Minh từng đề cao.

Tóm lại, từ việc tìm hiểu phong cách đa văn hóa trong tư tưởng Hồ Chí Minh về độc lập dân tộc và chủ nghĩa xã hội, có thể rút ra những bài học quý giá. Đó là: *Thứ nhất*, cần nhận thức đúng đắn tính mở của chủ nghĩa Mác - Lênin để vận dụng một cách linh hoạt, sáng tạo vào điều kiện lịch sử - xã hội cụ thể, đồng thời tiếp thu tinh hoa văn hóa của nhân loại như nguồn năng lượng sinh động và đa dạng trong

quá trình phát triển đất nước; *Thứ hai*, phải luôn có sự nhạy bén và bản lĩnh chính trị, nắm vững mối quan hệ biện chứng giữa cái phổ biến và cái đặc thù trên nền tảng giá trị truyền thống của dân tộc, nhưng không rơi vào chủ nghĩa dân tộc hẹp hòi, mà cần gắn kết lợi ích dân tộc với lợi ích nhân loại; *Thứ ba*, kiên trì tư tưởng hòa bình và văn hóa khoan dung truyền thống của dân tộc như một điều kiện của sự phát triển trong thời đại ngày nay; *Thứ tư*, hòa bình và độc lập dân tộc gắn liền với nhau, hòa bình chỉ có ý nghĩa tốt đẹp nếu dân tộc được độc lập, nhân dân được tự do, chủ quyền quốc gia được giữ vững. Những tư tưởng đó của Hồ Chí Minh trở thành kim chỉ nam cho đường lối đối nội và đối ngoại của Đảng Cộng sản Việt Nam, được thể hiện một cách rõ ràng, sinh động trong thời đại toàn cầu hóa, tích cực và chủ động đẩy mạnh hội nhập quốc tế với tinh thần đa phương hóa, đa dạng hóa, vì mục tiêu dân giàu, nước mạnh, dân chủ, công bằng, văn minh, trên cơ sở “cùng cố, tăng cường niềm tin của nhân dân đối với Đảng, Nhà nước, chế độ xã hội chủ nghĩa, khơi dậy khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc, phát huy ý chí và sức mạnh đại đoàn kết toàn dân tộc kết hợp với sức mạnh thời đại”³². □

²⁹ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.2, tr.454.

³⁰ Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.1, tr.438.

³¹ Xem: Hồ Chí Minh (2000), *Sđđ.*, t.4, tr.1-4.

³² Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII*, t.I, Nxb Chính trị Quốc gia Sự thật, Hà Nội, tr.111-112.